TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: **Huỳnh Văn Hồng.**
2. Ông: **Nguyễn Trung Du**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 503/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp *"*Hôn nhân và gia đình*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T** – sinh ngày: 01/01/1978 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Phạm Thanh M** - sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2023 anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thanh M do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng anh sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị M gây nợ nần rồi chị M nói với anh là chị M đi làm để trả nợ rồi chị M không liên lạc về gia đình, anh cũng không biết chị M đi làm ở đâu. Anh và chị M đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh và chị M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị M đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị M nhưng chị M không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của chị M không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa anh T và bị đơn chị M, chị M có nơi cư trú tại ấp Rạch Đôi, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn anh T có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị M vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị M nhưng chị M cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xác nhận ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thì qua trích lục sổ đăng ký kết hôn và phần mềm hộ tịch không có lưu trữ trường hợp đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thanh M nên mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị M là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do anh T và chị M không có đăng ký kết hôn. Anh T và chị M có tổ chức lễ cưới vào năm 2017, anh chị chung sống hạnh phúc được 01 năm đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị M đi làm thuê nhưng chị M không cho anh T biết địa chỉ nơi chị M làm, chị M đi làm từ năm 2019 đến nay nhưng chị M không liên lạc về gia đình. Anh T và chị M đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị M, chị M vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa anh T và chị M không còn, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do anh T và chị M không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý không công nhận anh T và chị M là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh T và chị M không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 14, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thanh M là vợ chồng.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thanh M không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Phạm Thanh M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Phạm Thanh M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0008396, ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Tân Quới Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh